

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-9-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Út

2. Bà Nguyễn Thị Minh Trâm

- *Thư ký phiên tòa: Bà Võ Uyên Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Yên - Kiểm sát viên.*

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Phan Thanh D, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố A, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Phan Thanh D tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2005, có tổ chức cưới hỏi; tuy nhiên đến ngày 09/5/2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P - T. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2023 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông D có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Vợ

chồng đã không còn sống chung từ ngày 30/4/2023. Không ai đặt vấn đề trở lại sống chung.

Nếu vợ chồng quay trở về chung sống với nhau thì cũng sẽ không hạnh phúc vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ. Bà đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Thanh D.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà có 02 con chung: Phan Thanh D1, sinh năm 2005 và Phan Thị Như Q, sinh ngày 11/12/2009. Hiện Phan Thanh D1 đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự túc nên không đề nghị giải quyết. Ly hôn, bà đồng ý giao con chung tên Phan Thị Như Q cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Phan Thanh D: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Toà án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông D không đến Toà án làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Đối với nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn: Mặc dù đã được Toà án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các thông báo tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là thực hiện đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Phan Thanh D.

Về con chung: Giao con chung tên Phan Thị Như Q, sinh ngày 11/12/2009 cho ông Phan Thanh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn ông Phan Thanh D. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú ở phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt nguyên đơn, bị đơn:

Đối với nguyên đơn, tại “Đơn xin giải quyết vắng mặt” ngày 28/8/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, những ý kiến đã khai tại Tòa án; đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị H và ông Phan Thanh D tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận ngày 09/5/2008; Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Phan Thanh D, xét thấy: Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Tuy nhiên, đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn bà H trình bày là do ông D có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ ngày 30/4/2023 đến nay, không ai đặt vấn đề quay lại sống chung. Mâu thuẫn vợ chồng bà H, ông D được địa phương xác nhận tại Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 16/10/2023 (BL 22) và ngày 14/6/2024 (BL 23). Mặc khác, ông D biết việc bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng không tham gia tố tụng thể hiện ông D không có thiện chí và không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà H và ông D có 02 con chung: Phan Thanh D1, sinh năm 2005 và Phan Thị Như Q, sinh ngày

11/12/2009. Hiện Phan Thanh D1 đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự túc nên không đề nghị giải quyết. Đối với cháu Phan Thị Như Q, xét thấy hiện cháu Q đang sống cùng ông D và có nguyện vọng được ở với ông D, mặc khác bà H cũng đồng ý giao cháu Q cho ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Phan Thị Như Q cho ông Phan Thanh D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phan Thanh D vắng mặt không có ý kiến về việc yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do đó, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố P-T tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Phan Thanh D.

2. Về con chung: Giao cho ông Phan Thanh D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Thị Như Q, sinh ngày 11/12/2009.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002658 ngày 06/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận. Bà H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP.PR-TC;
- Chi cục THADS TP.PR-TC;
- Các đương sự;
- UBND phường Văn Hải (*Giấy CNKH số 89, quyền số 01/08, đăng ký ngày 09/5/2008*);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thanh Tuấn